

Số : 91 /2003/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2003

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và tổ chức bộ máy của Cục Lâm nghiệp**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Điều 19 Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Lâm nghiệp là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành lâm nghiệp trong phạm vi cả nước.

Cục Lâm nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có kinh phí hoạt động, được mở tài khoản theo qui định của pháp luật.

Trụ sở của Cục Lâm nghiệp đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Cục Lâm nghiệp được Bộ trưởng giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành lâm nghiệp về trồng rừng, phát triển tài nguyên rừng, khai thác lâm sản trong cả nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, cụ thể như sau:

1. Trình Bộ trưởng dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục.

2. Trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch phát triển, chính sách, kế hoạch năm năm và hàng năm, chương trình, dự án, đề án về lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục theo sự phân công của Bộ trưởng.

3. Ban hành các văn bản về nghiệp vụ quản lý; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành theo phân cấp của Bộ trưởng.

4. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật đã được phê duyệt và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chuyên ngành quản lý của Cục.

5. Về quản lý chuyên ngành lâm nghiệp:

a) Quản lý tài nguyên rừng:

- Quản lý công tác điều tra cơ bản lâm nghiệp: thẩm định và quản lý việc thực hiện các dự án điều tra cơ bản lâm nghiệp, đầu tư vùng nguyên liệu gắn với bảo quản và chế biến lâm sản theo quy hoạch; điều tra theo dõi, đánh giá diễn biến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp; lập bản đồ rừng và đất lâm nghiệp;

- Quản lý nhà nước về quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; trình Bộ trưởng việc thành lập các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;

- Quản lý việc theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp;

- Tham gia thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp.

b) Trồng rừng:

- Quản lý nhà nước về quy hoạch, chương trình, dự án trồng rừng;

- Chủ trì xây dựng quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật về trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh và làm giàu rừng;

c) Về giống cây lâm nghiệp:

- Quản lý nhà nước về giống cây lâm nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Điều tra, thống kê về giống cây trồng lâm nghiệp; thu thập, bảo tồn và sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp; quy trình, quy phạm, kỹ thuật, công nghệ về giống cây trồng lâm nghiệp;

- Quản lý chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp và các hoạt động kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống cây lâm nghiệp; khảo nghiệm và đề xuất công nhận giống cây lâm nghiệp mới; bảo hộ giống cây trồng mới; bình tuyển, công nhận vườn giống; khuyến cáo sử dụng giống cây lâm nghiệp mới;

- Cấp và thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về giống cây lâm nghiệp theo thẩm quyền;

- Trình Bộ trưởng ban hành các danh mục về giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Quản lý hệ thống chọn tạo, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp;

- Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu giống cây trồng lâm nghiệp;

- Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp.

d) Quản lý nhà nước về vật tư lâm nghiệp.

đ) Về khai thác và sử dụng rừng:

- Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt phương án điều chế rừng tự nhiên;
 - Trình Bộ kế hoạch hàng năm về khai thác gỗ và lâm sản khác;
 - Thẩm định hồ sơ tổng hợp thiết kế khai thác gỗ rừng tự nhiên, trình Bộ trưởng quyết định mở cửa rừng khai thác gỗ rừng tự nhiên của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - Thẩm định hồ sơ thiết kế khai thác tận dụng, tận thu gỗ trong rừng tự nhiên;
 - Phê duyệt khai thác gỗ rừng trồng thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước của các đơn vị trực thuộc Bộ;
 - Hướng dẫn việc sử dụng gỗ và lâm sản khác;
 - Tham gia quản lý việc xuất khẩu, nhập khẩu gỗ và lâm sản khác.
- e) Tham gia quản lý về bảo quản, chế biến lâm sản.
- g) Tham gia chỉ đạo về khuyến lâm và phát triển lâm nghiệp xã hội.
- h) Thu thập thông tin, tổng hợp báo cáo, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý chuyên ngành lâm nghiệp.

6. Về khoa học công nghệ:

- a) Xây dựng trình Bộ trưởng chương trình, kế hoạch, đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ về lâm nghiệp; quản lý và tổ chức triển khai kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành của Cục;
- b) Thống nhất quản lý về quỹ gen thực vật rừng, vi sinh vật, động vật rừng;
- c) Chủ trì, tham gia xây dựng tiêu chuẩn chất lượng giống cây lâm nghiệp, chất lượng sản phẩm lâm nghiệp, vật tư chuyên ngành.
- d) Tổ chức thu thập và quản lý thông tin khoa học công nghệ chuyên ngành.

7. Tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành.

8. Trình Bộ cơ chế, chính sách phát triển thị trường tiêu thụ lâm sản; tham gia xây dựng và dự báo định hướng về phát triển thị trường gỗ và lâm sản khác; tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm thành tựu lâm nghiệp.

9. Xây dựng chương trình, dự án hợp tác quốc tế về lâm nghiệp; tham gia đàm phán để ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế và các tổ chức quốc tế về lâm nghiệp; tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế theo phân công của Bộ trưởng.

10. Quản lý một số đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công về lâm nghiệp theo phân công của Bộ trưởng.

11. Tham gia quản lý hoạt động của các hội, tổ chức phi Chính phủ trong lĩnh vực lâm nghiệp theo phân công của Bộ trưởng.

12. Thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các vi phạm thuộc phạm vi quản lý của Cục theo thẩm quyền.

13. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính của Cục theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính của Bộ.

14. Quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế của Cục theo quy định; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định.

15. Quản lý tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định.

16. Thực hiện nhiệm vụ và tổ chức quản lý Văn phòng thường trực Ban Điều hành dự án trồng mới 5 triệu ha rừng; thực hiện nhiệm vụ Văn phòng thường trực Công ước chống sa mạc hoá; thực hiện Nghị định thư về phát triển lâm nghiệp cộng đồng khu vực châu Á Thái Bình Dương;

17. Thực hiện nhiệm vụ khác được Bộ trưởng giao.

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Lãnh đạo Cục:

Lãnh đạo Cục có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm theo quy định.

Cục trưởng điều hành hoạt động của Cục, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về hoạt động của Cục và về nhiệm vụ được giao.

Phó Cục trưởng giúp việc Cục trưởng, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Số lượng Phó cục trưởng không quá ba người; nếu vượt quá phải báo cáo Bộ trưởng.

2. Bộ máy quản lý của Cục:

- a) Phòng Hành chính - Tổng hợp (tổ chức, thanh tra, tài chính);
- b) Phòng Kế hoạch (khoa học, hợp tác quốc tế);
- c) Phòng Điều tra cơ bản lâm nghiệp;
- đ) Phòng Lâm sinh (khuyến lâm);
- e) Phòng Quản lý sử dụng rừng;
- h) Bộ phận thường trực tại thành phố Hồ Chí Minh;

3. Các đơn vị trực thuộc:

Giao Cục trưởng Cục Lâm nghiệp xây dựng đề án thành lập các đơn vị trực thuộc, trình Bộ trưởng quyết định.

Cục trưởng Cục Lâm nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, bộ phận thường trực; xây dựng Quy chế làm việc của Cục trình Bộ trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ; thay thế Quyết định số 1279/NN-TCCB/QĐ ngày 31 tháng 7 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thành lập các phòng thuộc Cục Phát triển lâm nghiệp và các quy định trước đây của Bộ trái với Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Phát triển lâm nghiệp chịu trách nhiệm bàn giao nguyên trạng Cục Phát triển lâm nghiệp cho Cục trưởng Cục Lâm nghiệp.

2. Cục trưởng Cục Lâm nghiệp, Chánh Văn phòng, các Vụ trưởng, các Cục trưởng, Chánh Thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND, Sở NN và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Viện Kiểm sát ND tối cao;
- Tòa án ND tối cao;
- CQTƯ của các đoàn thể;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục, Thanh tra, VP;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công đoàn ngành NN&PTNT;
- Đảng uỷ, CD cơ quan Bộ;
- Công báo CP;
- Lưu: VP, TCCB.

Lê Huy Ngọ